**NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ**

**THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ 2015**

**DƯỚI GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI**

***Nguyễn Văn Phụng***

**Nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 dưới góc độ quyền con người**

Trên thực tế qua các hoạt động ở các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử cho thấy, có một khuynh hướng nhìn nhận bị can, bị cáo như là người đã được coi là phạm tội, dù tội trạng của họ chưa được chứng minh. Khuynh hướng đó được gọi là khuynh hướng buộc tội, và thuật ngữ pháp lý gọi đó là “suy đoán có tội”. Đó chính là một trong những nguyên nhân của vấn đề án oan, sai hiện nay.

Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc của Tố tụng hình sự lấy các giá trị công bằng, bình đẳng làm nền tảng; là nguyên tắc quan trọng và hữu hiệu cho việc tôn trọng bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong Tố tụng hình sự. Nguyên tắc suy đoán vô tội xuất hiện thông qua sự kiện Việt Nam ra nhập công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị ngày 24/9/1982. Chính vì tầm quan trọng như vậy nên trong những năm qua, nguyên tắc suy đoán vô tội luôn nhận được sự quan tâm. Đây là một trong những nguyên tắc cốt lõi và cơ bản nhất của Pháp luật Tố tụng hình sự nước ta, thể hiện được quyền con người quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân luôn được Nhà nước chú trọng hàng đầu.

Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của nước ta (1988) đã tiếp thu tư tưởng về suy đoán vô tội và ghi nhận tại Điều 10: “*Không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”.

Điều 72 Hiến pháp 1992 cũng ghi nhận về tư tưởng suy đoán vô tội. Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 tiếp tục ghi nhận tư tưởng về suy đoán vô tội thông qua hai quy định: “*Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật*” và “*trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*”.

Hiến pháp năm 2013 mà cụ thể tại Điều 31 đã thể hiện rõ hơn về chủ thể của nguyên tắc suy đoán vô tội là người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Quy định “*cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định*” bảo đảm cho việc quyền suy đoán vô tội được áp dụng trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng cho đến khi có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật. Và trong giai đoạn xét xử, việc đưa ra bản án có hiệu lực pháp luật là điều quan trọng nhất - chính trong giai đoạn này, việc bảo vệ quyền con người là điều thiết yếu. Trong giai đoạn này việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội phải được áp dụng triệt để vì quyền con người có thể bị tước đoạt nếu như áp dụng không đúng pháp luật. Việc đưa một nguyên tắc Tố tụng hình sự thành nguyên tắc quan trọng của Hiến pháp là một trong những bước đi quan trọng của lịch sử lập hiến nước ta trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người, khẳng định những giá trị nhân loại mà nhân dân hết sức tôn trọng.

Cụ thể hóa quan điểm tiến bộ này, bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định rất rõ về nguyên tắc suy đoán vô tội. Nguyên tắc này được áp dụng xuyên suốt cả quá trình trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Một trong những điểm nổi bật của nguyên tắc suy đoán vô tội mà tác giả muốn đề cập trong bài viết này đó là nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử nhìn dưới góc độ quyền con người. Trong giai đoạn xét xử, nguyên tắc suy đoán vô tội có vai trò hết sức quan trọng, giúp mọi người có cái nhìn toàn diện hơn về bị can, bị cáo sau khi tội trạng của họ chưa được chứng minh.

*Thứ nhất,* Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Điều này cho thấy chỉ có Toà án mới có quyền tuyên bố một người có tội và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã dành một phần (phần thứ 4) với chương XXI và chương XXII quy định về giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Với tư cách là giai đoạn trung tâm của tố tụng hình sự, việc quy định trong pháp luật và thực tiễn thực hiện việc xét xử của Toà án phải thể hiện và tuân theo các nguyên tắc của tố tụng hình sự trong đó có nguyên tắc suy đoán vô tội. Bên cạnh đó, nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử còn yêu cầu về trình tự, thủ tục mà ở đây chính là trình tự, thủ tục chứng minh lỗi của người bị buộc tội. Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi bất cứ tội phạm nào cũng phải được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật Tố tụng hình sự quy định. Nội dung này nhấn mạnh yêu cầu về mặt thủ tục pháp lý, là dấu hiệu quan trọng nhất của chế độ pháp quyền, theo đó, thủ tục công khai, minh bạch là yêu cầu hàng đầu cho việc bảo vệ quyền con người chống lại sự truy bức tùy tiện. Quá trình chứng minh tội phạm được thực hiện từ khi có tố giác, tin báo về tội phạm và thông qua các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Và khi có căn cứ để kết tội thì lúc đó Tòa án sẽ ra bản án kết tội. Và một người sẽ bị coi là có tội khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nguyên tắc này khẳng định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền phán quyết, xác định một người có tội bằng bản án kết tội có hiệu lực pháp luật. Chừng nào chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì người bị buộc tội vẫn là người vô tội. Các cơ quan tố tụng một mặt phải đối xử với họ như người không có tội, mặt khác, phải tạo mọi điều kiện để người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa và các quyền tố tụng khác.

Nếu trong trường hợp không đủ và không thể kết tội thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội hay nói một cách khác nếu không chứng minh được tội của người buộc tội có nghĩa là chứng minh sự vô tội của họ. Người bị tình nghi, bị can, bị cáo có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Điều này có nghĩa, người bị bắt giữ, bị can, bị cáo có quyền đưa ra các chứng cứ để chứng minh mình không phạm tội. Như chứng minh mình vô tội bằng việc đưa ra chứng cứ về thời gian xảy ra vụ việc mình không có ở đó và không thể thực hiện hành vi phạm tội hoặc đưa ra chứng cứ, chứng minh có người khác,chứ không phải mình đã thực hiện tội phạm… Đồng nghĩa với việc tại phiên toà bị cáo có quyền im lặng tức là không có nghĩa vụ phải trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định “*Người bị buộc tội được quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”. Việc được quyền im lặng ngay từ khi bị bắt giữ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc bảo đảm cho nguyên tắc suy đoán vô tội được thi hành trong thực tế. Và khi không có đủ chứng cứ chứng minh được lỗi; hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo hoặc đồng phạm (nếu có) như cáo trạng của Viện kiểm sát, thì phải xem là đồng nghĩa với sự vô tội của bị cáo đã được chứng minh và bản án, quyết định mà Hội đồng xét xử sơ thẩm phải được tuyên bị cáo không có tội và trả tự do ngay (nếu trước đó đã bị tạm giam).

Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi sự buộc tội phải dựa trên những chứng cứ xác thực không còn nghi ngờ. Mọi sự nghi ngờ đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đều phải được kiểm tra, chứng minh làm rõ. Nếu không chứng minh làm rõ được sự nghi ngờ thì sự nghi ngờ đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo phải được giải thích theo hướng có lợi cho họ. Tòa án phải hoàn toàn dựa trên cơ sở những chứng cứ được trình bày trước Tòa để đưa ra phán quyết.

*Thứ hai,*Không chỉ khẳng định chỉ Toà án mới có quyền tuyên bố một người phạm một tội nào đó, nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự còn thể hiện quyền được xét xử công bằng của bất kỳ người bị buộc tội nào. Quyền được xét xử công bằng là một tiêu chuẩn của luật nhân quyền quốc tế nhằm bảo vệ những quyền tự do cơ bản của cá nhân không bị lấy đi, tước đoạt một cách độc đoán. Quyền được xét xử công bằng ngày nay không chỉ là xu hướng chung trong thế giới đương đại mà còn là điều kiện cho tăng trưởng kinh tế, là tiêu chí, thước đo đánh giá mức độ phát triển bền vững của một xã hội, là biểu tượng cho việc theo đuổi biểu tượng văn minh và tiến bộ xã hội.

Quyền được xét xử công bằng lần đầu tiên được đề cập trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền năm 1948. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên quy định về quyền được xét xử bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm sự chính xác và công bằng trong hoạt động tư pháp. Theo đó, Điều 10 quy định*: “Ai cũng có quyền, trên căn bản hoàn toàn bình đẳng, được một Toà án độc lập và vô tư xét xử một cách công khai và công bằng để phán xử về những quyền lợi và nghiã vụ của mình, hay về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc.ác quyền và nghĩa vụ của họ, cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ”.* Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hình sự 2015, quyền xét xử công bằng được quy định cụ thể *“Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng. Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có thể tham dự phiên tòa, trừ trường hợp Bộ luật này quy định”.* Ngoài ra ở quy định này, chúng ta cũng có thể thấy được nguyên tắc suy đoán vô tội còn được thể hiện rõ ở giai đoạn xét xử thông qua quy định về thời hạn xét xử. Trong quá trình tố tụng tiền xét xử, rất nhiều trường hợp bị cáo bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự. Việc xét xử phải đảm bảo quyền xét xử không được chậm trễ quá mức tại toà cho người bị buộc tội để từ đó nhanh chóng đưa ra bản án kết tội hoặc nhanh chóng đưa họ ra khỏi vòng quay tố tụng hình sự nếu việc buộc tội không thực hiện được. Việc đánh giá được xem là chậm trễ quá mức hay không phụ thuộc vào tính phức tạp của vụ án, nhân thân bị cáo, tình trạng có bị giam giữ hay không.

1. **Ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 dưới góc độ quyền con người**

Suy đoán vô tội là một nguyên tắc tiến bộ. Nguyên tắc này bảo vệ một cách tối ưu nhất quyền con người của pháp luật hình sự và lợi ích của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi cơ quan tố tụng không chứng minh được hành vi phạm tội thì phải suy đoán theo hướng ngược lại bởi vì quyền con người và quyền công dân là quyền thiêng liêng và quan trọng nhất. Ngoài ra, đây cũng là nguyên tắc đặt ra yêu cầu cao hơn cho những người tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm. Nguyên tắc suy đoán vô tội có tác dụng tránh kéo dài vụ án, trả hồ sơ nhiều lần. Khi không chứng minh được lỗi của bị cáo phải xem là đồng nghĩa với sự vô tội của bị cáo đã được chứng minh và tòa phải tuyên bị cáo không có tội. Tòa không thể tuyên bản án mập mờ, không khách quan.

Suy đoán vô tội chính là nguyên tắc tiến bộ, là nét son trong cải cách tư pháp[[1]](#footnote-1), thể hiện sự trân trọng số phận con người. Bởi, việc hạn chế quyền nào đó của một con người là phải hạn chế theo luật định và chỉ trong vài trường hợp mới được hạn chế, ví dụ vì an ninh quốc gia, vì trật tự công cộng, vì sức khỏe, vì cộng đồng.

Suy đoán vô tội có ý nghĩa quan trọng trong khoa học pháp lý, đặc biệt trong giai đoạn xét xử. Trong thực tiễn nguyên tắc suy đoán vô tội cũng góp phần chống tội phạm với vai trò là nền tảng và kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động Tố tụng hình sự. Nguyên tắc này loại trừ định kiến, kết tội một chiều trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Dù chứng cứ thu thập trong vụ án đến đâu, dù niềm tin nội tâm của những người tiến hành tố tụng về tội phạm của người bị buộc tội thế nào thì họ vẫn có nghĩa vụ làm sáng tỏ các tình tiết, sự kiện của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Nguyên tắc này thể hiện thái độ trân trọng tới số phận con người, hạn chế tình trạng oan, sai hiện nay. Việc thực thi nguyên tắc này còn giúp hạn chế chuyện mớm cung, ép cung, bức cung, dùng nhục hình. Bởi lẽ thực tế cho thấy có hành vi trên là do điều tra viên nôn nóng phá án hoặc cứ cố tìm chứng cứ chứng minh bị can phạm tội cho bằng được. Từ đó, nguyên tắc này sẽ giúp nâng cao nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hiến pháp năm 1992
2. Hiến pháp năm 2013
3. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003
4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015
5. Luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Thông tin khoa học kiểm sát- Viện khoa học kiểm sát - Số 3+4/2007

1. Nguyễn Thái Phúc (2016), Suy đoán vô tội: Nét son trong tố tụng, <http://plo.vn/phap-luat/suy-doan-vo-toi-net-son-trong-to-tung-611793.html>, cập nhật ngày 15/02/2016.
2. Lê Văn Sua (2016), Nguyên tắc suy đoán vô tội và vấn đề đảm bảo thực thi trong hoạt động tụng hình sự, Bộ tư pháp, <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=195>, cập nhật ngày 11/5/2016.
3. Lê Tiến (2017), Nguyên tắc suy đoán vô tội trong Luật Tố tụng hình sự, Tạp chí Việt Nam hội nhập, <http://vietnamhoinhap.vn/n5869_Nguyen-tac-suy-doan-vo-toi-trong-Luat-to-tung-hinh-su>, cập nhật ngày 6/6/2017.

1. Nguyễn Thái Phúc, Suy đoán vô tội: Nét son trong tố tụng

http://plo.vn/phap-luat/suy-doan-vo-toi-net-son-trong-to-tung-611793.html [↑](#footnote-ref-1)